

Số: /QĐ-ĐHTN

Đắk Lắk, ngày tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học
hình thức đào tạo vừa làm vừa học năm 2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Căn cứ Quyết định 298/CP ngày 11 tháng 11 năm 1977 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-ĐHTN ngày 20/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học của trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-ĐHTN ngày 13/3/2025 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội Đồng tuyển sinh năm 2025 của Trường Đại học Tây Nguyên;

Căn cứ kết luận tại cuộc họp ngày 03/12/2025 của Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Tây Nguyên;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 83 thí sinh trúng tuyển vào các ngành đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học năm 2025 (có phụ lục kèm theo).

Điều 2. Thường trực hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm thông báo cho thí sinh và tổ chức nhập học theo quy định.

Điều 3. Thường trực hội đồng tuyển sinh, Phòng Đào tạo và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo trường (để b/c);
- Các Khoa;
- Phòng CTSV, TTPC;
- Phòng Đào tạo (đăng Website);
- Lưu: VT, ĐT(Hi)

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Thanh Trúc

Phụ lục

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Tây Nguyên

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Ưu tiên		Đã có bằng tốt nghiệp						Thời gian công tác	Kết quả học THPT		Điểm xét	Ghi chú
						ĐT	KV	Trình độ	Ngành	Xếp loại	TBC (10)	TBC (4)	Năm TN		Học lực	Năm TN		
* Ngành Ngôn ngữ Anh																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH đối với người có văn bằng đại học																		
1	HST202500055	Phạm Ngọc Lan Anh	28/09/1999	Kinh	Nữ		1	Đại học	Y khoa	Giỏi	7.97	3.28	2023	0	Khá	2017	23.91	
2	HST202500038	H Hiam Ayun	30/12/1985	Ê đê	Nữ		1	Đại học	Giáo dục chính trị	Giỏi	8.03		2010	0	Khá	2005	24.09	
3	HST202500050	Hoàng Thị Bền	02/07/1994	Nùng	Nữ		1	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	8.48	3.53	2018	0	Khá		25.44	
4	HST202500028	Trần Mạnh Cường	05/10/1986	Kinh	Nam		1	Đại học	Giáo dục thể chất	Khá	7.09	2.66	2022	0	Trung bình		21.27	
5	HST202500057	Trương Nguyễn Trọng Đại	11/01/1996	Kinh	Nam		3	Đại học	Răng - Hàm - Mặt	Khá	7.22	2.81	2023	0			21.66	
6	HST202500058	Trần Thị Nguyên Đăng	10/08/1987	Kinh	Nữ		3	Đại học	Dược sĩ	Khá	7.86		2011	0		2005	23.58	
7	HST202500045	Nguyễn Việt Đạt	06/09/1998	Kinh	Nam		1	Đại học	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Khá	7.58		2020	0	Khá	2016	22.74	
8	HST202500034	Huỳnh Tuấn Định	02/02/1994	Kinh	Nữ		1	Đại học	Quản lý đất đai	Khá	6.72	2.62	2017	0	Khá	2012	20.16	
9	HST202500052	H' Srom Êyă	23/11/2002	M' Nong	Nữ		1	Đại học	Đông Phương Học	Khá	7.39	2.83	2025	0	Khá	2020	22.17	
10	HST202500047	Phạm Phương Hà	04/10/1999	Kinh	Nữ		1	Đại học	Kế toán	Khá	7		2022	0	Giỏi	2017	21	QĐ
11	HST202500033	Vũ Thị Ngọc Hiếu	22/02/1999	Kinh	Nữ		1	Đại học	Kỹ thuật Vật liệu	Giỏi	8.15		2021	0	Giỏi	2017	24.45	
12	HST202500032	Nguyễn Thị Ngọc Hồng	08/02/1999	Mường	Nữ		1	Đại học	Kinh Tế	Khá	7.59	3.02	2021	0	Khá	2017	22.77	
13	HST202500030	Nguyễn Thị Hồng	07/08/1995	Kinh	Nữ		1	Đại học	Thông tin - Thư viện	Khá	7.7	3.13	2025	4	Trung bình	2013	23.1	
14	HST202500044	Nguyễn Thị Thu Huệ	14/11/1996	Kinh	Nữ		1	Đại học	Kế toán	Khá	8.7			0	Khá	2014	26.1	
15	HST202500027	Nguyễn Mạnh Hùng	03/06/1995	Kinh	Nữ		1	Đại học	Giáo dục thể chất	Khá	8.09	3.23	2024	0	Trung bình	2013	24.27	
16	HST202500040	Hoàng Lữ Khâm	19/9/1985	Kinh	Nam		1	Đại học	Quản trị kinh doanh	Trung bình	5.8			0			17.4	
17	HST202500053	Mai Duy Khánh	21/11/1982	Kinh	Nam		1	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	Khá	7.53		2005	0	Khá	2000	22.59	
18	HST202500037	H Lệ Kriêng	06/09/1990	Ê đê	Nữ		1	Đại học	Văn học	Khá	7.16	2.56	2018	0	Trung bình	2008	21.48	
19	HST202500091	Hoàng Thị Hương Lan	01/08/1982	Kinh	Nữ		3	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Trung bình	6.64		2007	0			19.92	
20	HST202500051	Lưu Thị Lý	17/9/1981	Kinh	Nữ		3	Đại học	Giáo dục chính trị	Khá	7.02		2010	0		1999	21.06	
21	HST202500049	Trần Thị Minh	20/09/2003	Kinh	Nữ		1	Đại học	Sư phạm Vật Lý	Giỏi	8.26	3.36	2025	0	Giỏi	2021	24.78	
22	HST202500039	Đặng Tiểu My	29/7/1996	Kinh	Nữ		1	Đại học	Công nghệ sinh học	Trung bình	6.8	2.45	2022	0			20.4	
23	HST202500054	Nguyễn An Na	12/9/1990	Kinh	Nữ		3	Đại học	Sinh học	Khá	7.78		2012	0		2008	23.34	
24	HST202500043	Trần Quảng Nam	25/02/1987	Kinh	Nam		3	Đại học	Giáo dục thể chất	Khá	7.13		2013	0		2006	21.39	
25	HST202500106	Trần Thị Vĩnh Nam	24/08/1979	Kinh	Nữ		3	Đại học	Giáo viên Tiểu học	Trung bình	6.93		2001	0	Khá	1997	20.79	
26	HST202500056	Phạm Đức Ngọc	11/02/1982	Kinh	Nam		1	Đại học	Luật học	Trung bình	5.66		2013	0	Trung bình	2001	16.98	
27	HST202500092	Bùi Bích Phương	17/09/1989	Kinh	Nữ		3	Đại học	Sư phạm Toán học	Khá	7.02		2011	0		2007	21.06	
28	HST202500024	Lâm Thị Phương	18/01/1982	Tày	Nữ		3	Đại học	Sư phạm Địa Lý	Khá	7		2008	0		2000	21	QĐ
29	HST202500035	Nguyễn Quốc Quang	20/02/1998	Kinh	Nam		1	Đại học	Giáo dục thể chất		7.83	2.98	2023	0		2016	23.49	
30	HST202500036	Nguyễn Thị Lệ Thắm	01/04/1996	Kinh	Nữ		3	Đại học	Giáo dục mầm non	Giỏi	8.37	3.54	2023	0	Trung bình	2014	25.11	
31	HST202500029	Nguyễn Ngọc Thiện	29/04/1991	Kinh	Nam		2	Đại học	Y khoa	Giỏi	8.17	3.33	2020	0		2013	24.51	
32	HST202500041	Nguyễn Thị Thủy	12/10/1984	Kinh	Nữ		1	Đại học	Sư phạm sinh - Kỹ thuật nông lâm	Giỏi	8.12		2006	0		2002	24.36	
33	HST202500046	Hà Thị Thủy Tiên	17/12/1985	Kinh	Nữ		1	Đại học	Xây dựng dân dụng và Công nghiệp	Trung bình khá	6.67		2008	0	Khá	2003	20.01	
34	HST202500031	Đoàn Xuân Tiến	30/7/1999	Kinh	Nam		1	Đại học	Công nghệ thông tin	Khá	7.12	2.64	2022	0			21.36	

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Ưu tiên		Đã có bằng tốt nghiệp						Thời gian công tác	Kết quả học THPT		Điểm xét	Ghi chú
						ĐT	KV	Trình độ	Ngành	Xếp loại	TBC (10)	TBC (4)	Năm TN		Học lực	Năm TN		
35	HST202500042	Vũ Thị Tổ Trân	16/3/2001	Kinh	Nữ		1	Đại học	Văn học	Khá	7.55	2.87	2025	0	Khá	2021	22.65	
36	HST202500026	Trần Thị Nhã Ý	22/01/2003	Kinh	Nữ		1	Đại học	Giáo dục Tiểu học	Giỏi	8.07	3.25	2025	0	Giỏi	2021	24.21	
37	HST202500048	Nguyễn Thị Yên	17/12/1997	Kinh	Nữ		1	Đại học	Công nghệ thông tin	Khá	7.12	2.64	2022	0	Khá	2016	21.36	
(Số thí sinh trúng tuyển : 37 thí sinh)																		
* Ngành Thú y																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH CD – ĐH																		
1	HST202500099	Nguyễn Hoàng Anh	08/08/2002	Kinh	Nam		3	Cao đẳng	Thú y	Khá	7.1		2025	0	Khá	2022	21.3	
2	HST202500088	Nguyễn Thanh Hải	10/05/1991		Nam		3	Cao đẳng	Chăn nuôi	Giỏi	6.41	2.39	2013	0			19.23	
3	HST202500090	Trần Thị Hương	27/01/2004	Kinh	Nữ		3	Cao đẳng	Chăn nuôi thú y	Khá	7.9	3.18	2023	0	Khá	2022	23.7	
4	HST202500098	Vũ Thị Trà My	27/03/2004	Kinh	Nữ		3	Cao đẳng	Chăn nuôi - Thú y	Giỏi	7.9	3.05		0			23.7	
5	HST202500104	Bùi Ngọc Sơn	25/03/2000	Kinh	Nam		3	Cao đẳng	Thú y	Khá	7.4	3	2024	0	Trung bình	2018	22.2	
(Số thí sinh trúng tuyển : 5 thí sinh)																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH đối với người có văn bằng đại học																		
1	HST202500105	Đoàn Thị Phương Anh	19/06/1997	Kinh	Nữ		3	Đại học	Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành	Giỏi	7.96	3.45	2025	0	Khá	2015	23.88	
2	HST202500097	Nguyễn Đình Cảnh	12/07/1986	Kinh	Nam		3	Đại học	Phát triển nông thôn và Khuyến nông	Trung bình khá	6.79		2009	0	Trung bình	2004	20.37	
3	HST202500089	Cao Duy Đông	15/05/1985	Kinh	Nam		3	Đại học	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình khá	6.43		2013	0	Yếu	2003	19.29	
4	HST202500094	Mai Văn Hùng	04/07/1985	Kinh	Nam		3	Đại học	Nuôi trồng thủy sản	Trung bình khá	6.19		2009	0	Trung bình	2004	18.57	
5	HST202500086	Nguyễn Thị Lý	13/04/1996	Kinh	Nữ		3	Đại học	Chăn nuôi	Khá	7.57	2.92	2018	0	Trung bình	2014	22.71	
6	HST202500083	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	07/09/1994	Kinh	Nam		3	Đại học	Chăn nuôi		7.31	2.78	2018	0	Trung bình	2012	21.93	
7	HST202500084	Nông Thị Thuật	26/3/1991	Tày	Nữ		3	Đại học	Hành chính học	Khá	7.64		2014	0			22.92	
8	HST202500096	Huỳnh Thị Diễm Thúy	10/03/1984	Kinh	Nữ		3	Đại học	Nông học	Trung bình khá	6.32		2008	0	Trung bình	2002	18.96	
9	HST202500095	Lê Bá Triệu	17/06/2003	Kinh	Nam		3	Đại học	Quản trị kinh doanh	Khá	6.92	2.77		0	Khá	2021	20.78	QĐ
10	HST202500082	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	02/02/1996	Kinh	Nữ		3	Đại học	Chăn nuôi	Khá	7.12	2.57	2022	0	Khá		21.36	
(Số thí sinh trúng tuyển : 10 thí sinh)																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH TC – ĐH																		
1	HST202500085	Đinh Trung Can	28/12/1998	Kinh	Nam		3	Trung cấp	Chăn nuôi thú y	Trung bình khá	6.5		2018	0		2017	19.5	QĐ
2	HST202500093	Ma Thị Thu Hiền	06/02/2006	Tày	Nữ		3	Trung cấp	Thú y	Khá	7		2023	0	Khá	2024	21	QĐ
3	HST202500102	Trần Thị Thu Hiền	13/03/1990	Kinh	Nữ		3	Trung cấp	Thú y	Khá	7.3		2023	0	Trung bình	2008	21.9	
4	HST202500103	Huỳnh Rin Mốt	03/10/1997	Kinh	Nam		3	Trung cấp	Chăn nuôi Thú y	Khá	7.7			0		2015	23.1	
5	HST202500100	Vũ Đức Sơn	15/04/2000	Kinh	Nam		3	Trung cấp	Chăn nuôi - Thú y	Khá	7.3		2020	0			21.9	
6	HST202500101	Trần Văn Tài	13/08/1995	Kinh	Nam		3	Trung cấp	Chăn nuôi Thú y	Khá	8.1		2018	0	Trung bình	2014	24.3	
7	HST202500087	Võ Thanh Tú	11/12/1998	Kinh	Nam		3	Trung cấp	Chăn nuôi	Trung bình khá	7.1		2018	0	Khá	2016	21.3	
8	HSW202500001	Trần Hiền Vinh	26/06/1995	Kinh	Nam	08	1	Trung cấp	Chăn nuôi - Thú y	Khá	7.5		2025	0	Trung bình	2013	22.5	
(Số thí sinh trúng tuyển : 8 thí sinh)																		
* Ngành Điều dưỡng																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH CD – ĐH																		
1	HST202500002	Trần Hoàng Anh	22/07/1999	Kinh	Nữ		2	Cao đẳng	Điều dưỡng	Khá	7.6		2022	0	Khá	2017	22.8	
2	HST202500008	Đỗ Thị Phụng	01/08/2002	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Điều dưỡng	Giỏi	8.3	3.46	2024	0	Khá	2020	24.9	
3	HST202500001	Vũ Thị Diễm Quỳnh	19/02/1999	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Điều dưỡng	Giỏi	7.8		2022	1	Khá	2017	23.4	

TT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Dân tộc	Giới tính	Ưu tiên		Đã có bằng tốt nghiệp						Thời gian công tác	Kết quả học THPT		Điểm xét	Ghi chú
						ĐT	KV	Trình độ	Ngành	Xếp loại	TBC (10)	TBC (4)	Năm TN		Học lực	Năm TN		
4	HST202500006	Bế Thị Hoài Thu	28/10/2004	Tày	Nữ		1	Cao đẳng	Điều dưỡng	Khá	7.7	2.95	2025	0	Giỏi	2022	23.1	
5	HST202500005	Bùi Thị Nhã Vân	07/03/1993	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Điều dưỡng	Khá	7.77	3.04	2020	6	Trung bình	2011	23.31	
(Số thí sinh trúng tuyển : 5 thí sinh)																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH TC – ĐH																		
1	HST202500003	Y' Đam	20/09/1973	M' Nông	Nam		2	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Khá	7.6		2005	0		2001	22.8	
2	HST202500004	Trần Thúy Hằng	22/04/1992	Kinh	Nữ		1	Trung cấp	Điều dưỡng đa khoa	Khá	7.3		2012	10		2010	21.9	
(Số thí sinh trúng tuyển : 2 thí sinh)																		
* Ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH CD – ĐH																		
1	HST202500018	Lê Thị Lan Anh	01/01/2003	Kinh	Nữ		2	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	6.97	2.77	2025	0	Khá	2021	20.91	
2	HST202500020	Nguyễn Thị Diệp Châm	29/10/1995	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.2		2020	5	Giỏi	2013	21.6	
3	HST202500015	Mai Thị Hoài	04/02/1998	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.16	2.83		1	Trung bình	2016	21.48	
4	HST202500019	Hoàng Thị Thanh Huyền	10/05/2003	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Giỏi	7.89	3.16	2024	0	Khá	2021	23.67	
5	HST202500025	Y Jĩm Mlô	29/10/1997	Ê Đê	Nam		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.38	3.01	2019	0	Trung bình	2015	22.14	
6	HST202500009	Nguyễn Thị Ní Na	10/02/1993	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Khá	7		2014	6	Trung bình	2011	21	QĐ
7	HST202500023	Nông Thị Nghị	24/09/1974	Tày	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.6		2022	0	Trung bình	1992	22.8	
8	HST202500010	Văn Thị Nhân	05/02/1997	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.06	2.83		0	Trung bình	2015	21.18	
9	HST202500013	K' Siêng	24/04/1986	Mạ	Nam		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.95	3.13		13	Trung bình	2007	23.85	
10	HST202500014	Nguyễn Thị Thảo	13/12/1993	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Xét nghiệp y học	Khá	7.95		2015	5	Khá	2011	23.85	
11	HST202500017	Nguyễn Thị Mai Trâm	02/06/1998	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Xét nghiệm y học	Giỏi	8.33	3.43	2019	0	Khá	2016	24.99	
12	HST202500016	Nguyễn Thị Thảo Trang	10/02/1995	Kinh	Nữ		1	Cao đẳng	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.41		2019	5	Trung bình	2013	22.23	
(Số thí sinh trúng tuyển : 12 thí sinh)																		
+ Loại hình đào tạo: Liên thông VLVH TC – ĐH																		
1	HST202500011	Y Loét Niê	02/05/1989	Ê Đê	Nam	06a	1	Trung cấp	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Khá	7.3		2011	13	Yếu	2008	21.9	
2	HST202500022	Ngô Thụy Hồng Phước	14/10/1986	Kinh	Nam		1	Trung cấp	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Khá	7.2		2017	4	Trung bình	2004	21.6	
3	HST202500021	Lê Thị Thu Thảo	06/09/1992	Kinh	Nữ		2NT	Trung cấp	Kỹ thuật xét nghiệm y học dự phòng	Khá	6.9		2012	0	Trung bình	2010	20.7	
4	HST202500012	Võ Thế	01/12/1965	Kinh	Nam		2NT	Trung cấp	Kỹ thuật viên trung học y	Khá	7.31		2004	21	Trung bình	1983	21.93	
(Số thí sinh trúng tuyển : 4 thí sinh)																		

Tổng cộng: 83 thí sinh trúng tuyển./.